

Số: /TB-BVPSTG

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO
Mời nhà cung cấp nộp Hồ sơ đề xuất
gói mua sắm: Mua Monitor sản khoa và Doppler tim thai

Kính gửi: Các nhà cung cấp quan tâm.

Căn cứ Quyết định số 210/QĐ-BVPSTG ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang ban hành Quy định Mua sắm theo hình thức tự quyết định việc mua sắm;

Căn cứ Quyết định số 422/QĐ-BVPSTG ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang về việc phê duyệt chủ trương mua sắm Monitor sản khoa và Doppler tim thai;

Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang trân trọng thông báo mời các nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm nộp Hồ sơ đề xuất cung cấp hàng hóa, cụ thể như sau:

1. Thông tin chung về Bên mua

a) Đơn vị mua: Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang. Địa chỉ: Số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

b) Điện thoại: 02733 887 160. Mã số thuế: 1200530091.

2. Danh mục hàng hóa cần mua và phương án chia phần

2.1. Danh mục, số lượng và yêu cầu kỹ thuật cơ bản của hàng hóa cần mua được quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Thông báo này. Các thông số kỹ thuật nêu theo hướng đáp ứng tương đương hoặc tốt hơn; nhà cung cấp phải cung cấp tài liệu chứng minh mức độ đáp ứng.

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
1	Monitor theo dõi sản khoa	Cái	09
2	Máy nghe tim thai Doppler	Cái	03

Số lượng nêu trên là số lượng dự kiến theo nhu cầu sử dụng; số lượng thực mua theo hợp đồng và kết quả lựa chọn nhà cung cấp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.2. Phương án chia phần: Gói mua sắm không chia phần; nhà cung cấp phải chào đầy đủ toàn bộ danh mục nêu trên.

2.3. Yêu cầu chung đối với hàng hóa: Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng; có hồ sơ pháp lý lưu hành hợp pháp tại Việt Nam theo quy định; có đầy đủ tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng, chứng từ chất lượng, xuất xứ, phiếu bảo hành hoặc tài liệu tương đương; bảo đảm quy cách, điều kiện vận chuyển, bảo quản, lắp đặt, vận hành, đào tạo sử dụng phù hợp nhu cầu chuyên môn của Bệnh viện.

2.4. Tiến độ cung cấp: Nhà cung cấp đề xuất thời gian giao hàng, lắp đặt, chạy thử, đào tạo sử dụng trong Hồ sơ đề xuất; tiến độ cụ thể được hai bên thương thảo và ghi trong hợp đồng, bảo đảm phù hợp yêu cầu sử dụng của Bệnh viện.

3. Điều kiện đặt thiết bị sử dụng tương thích kèm theo hàng hóa

Không áp dụng; gói mua sắm này không có điều kiện đặt thiết bị sử dụng tương thích kèm theo hàng hóa.

4. Yêu cầu đối với nhà cung cấp

4.1. Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý tương đương hợp lệ; có mã số thuế và đang hoạt động theo quy định; có ngành nghề kinh doanh phù hợp với hàng hóa chào cung cấp.

4.2. Có khả năng cung cấp đầy đủ, đúng tiến độ, đúng chất lượng toàn bộ danh mục hàng hóa của gói mua sắm.

4.3. Có kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự, chứng minh bằng hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý, hóa đơn, quyết định trúng thầu/phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp hoặc tài liệu tương đương.

4.4. Có khả năng lắp đặt, chạy thử, đào tạo sử dụng, hướng dẫn vận hành, bảo hành, bảo trì, sửa chữa và hỗ trợ kỹ thuật đối với thiết bị y tế chào cung cấp.

4.5. Báo giá rõ ràng, có chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bệnh viện về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của toàn bộ tài liệu trong Hồ sơ đề xuất.

5. Hồ sơ đề xuất của nhà cung cấp

Nhà cung cấp nộp 01 bộ Hồ sơ đề xuất, gồm:

Stt	Thành phần hồ sơ	Nội dung yêu cầu
1	Văn bản nộp Hồ sơ đề xuất và báo giá	Theo mẫu kèm Thông báo; ký tên, đóng dấu.
2	Hồ sơ pháp lý của nhà cung cấp	Đăng ký doanh nghiệp; tài liệu chứng minh ngành nghề phù hợp; mã số thuế; thông tin người đại diện hợp pháp.
3	Báo giá chi tiết từng mặt hàng	Tên hàng hóa; tên thương mại, mã hàng, model; hãng/nước sản xuất; quy cách; đơn vị tính; số lượng; đơn giá; thành tiền; thuế và chi phí đã gồm trong

Stt	Thành phần hồ sơ	Nội dung yêu cầu
		giá; hiệu lực báo giá tối thiểu ngày.
4	Hồ sơ pháp lý của hàng hóa	Số lưu hành/giấy phép nhập khẩu/hồ sơ công bố hoặc tài liệu pháp lý tương đương theo quy định áp dụng đối với thiết bị y tế.
5	Tài liệu kỹ thuật	Catalogue, hướng dẫn sử dụng, phiếu thông tin sản phẩm, cấu hình kỹ thuật, tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương.
6	Năng lực, kinh nghiệm	Hồ sơ năng lực; tài liệu chứng minh hợp đồng tương tự, nghiệm thu, thanh lý, hóa đơn, quyết định trúng thầu/phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp hoặc tài liệu tương đương.
7	Cam kết thực hiện	Tiến độ giao hàng; lắp đặt, chạy thử; đào tạo sử dụng; bảo hành, bảo trì, đổi trả; hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình sử dụng.
8	Tài liệu khác	Tài liệu nhà cung cấp thấy cần thiết để chứng minh năng lực, khả năng cung cấp, chất lượng hàng hóa và tính hợp lý của phương án cung cấp.

Hồ sơ không hợp lệ, không đầy đủ hoặc nộp sau thời hạn sẽ không được xem xét. Nội dung Hồ sơ đề xuất, nếu nhà cung cấp được lựa chọn và thống nhất qua thương thảo, là bộ phận không tách rời của hợp đồng. Chi phí lập và nộp Hồ sơ đề xuất do nhà cung cấp tự chịu; Bệnh viện không hoàn trả Hồ sơ đề xuất đã nộp.

6. Nguyên tắc lựa chọn nhà cung cấp

6.1. Việc lựa chọn thực hiện trên cơ sở hiệu quả tổng thể của phương án cung cấp: chất lượng hàng hóa; mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật; năng lực cung ứng và hỗ trợ kỹ thuật; kinh nghiệm thực hiện; giá chào. Bệnh viện không lựa chọn nhà cung cấp chỉ căn cứ vào giá thấp nhất.

6.2. Nhà cung cấp được xem xét lựa chọn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện bắt buộc, đạt ngưỡng điểm tối thiểu và có tổng điểm cao nhất theo Mục 7.

6.3. Việc đánh giá được lập thành bảng tổng hợp, có nhận xét và chữ ký của bộ phận được giao đánh giá, làm căn cứ thương thảo và lập Tờ trình đề nghị Giám đốc Bệnh viện phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

7. Tiêu chí đánh giá Hồ sơ đề xuất

7.1. Điều kiện bắt buộc (đạt/không đạt)

Nhà cung cấp chỉ được đưa vào chấm điểm khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Tư cách pháp lý hợp lệ, ngành nghề kinh doanh phù hợp, đang hoạt động

theo quy định;

b) Toàn bộ hàng hóa chào cung cấp có hồ sơ pháp lý lưu hành hợp pháp tại Việt Nam;

c) Toàn bộ hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tối thiểu tại Mục 2 và Phụ lục 01 của Thông báo này;

d) Cam kết cung cấp hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo đảm nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng, an toàn và mục đích sử dụng tại Bệnh viện;

đ) Cam kết tiến độ cung cấp, lắp đặt, chạy thử, đào tạo sử dụng, bảo hành, bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật; không làm gián đoạn hoạt động chuyên môn;

e) Cam kết bảo hành, đổi trả hàng hóa lỗi, không đạt chất lượng hoặc không đúng Hồ sơ đề xuất, báo giá và hợp đồng;

g) Báo giá hợp lệ, còn hiệu lực; hồ sơ nộp đúng thời hạn.

Kết quả đánh giá điều kiện bắt buộc được lập thành bảng, ghi rõ tài liệu căn cứ đối với từng điều kiện của từng nhà cung cấp.

7.2. Tiêu chí và mức điểm

Mỗi tiêu chí được chấm theo một trong ba mức điểm cố định quy định dưới đây; không cho điểm ngoài ba mức quy định. Việc xếp mức căn cứ tài liệu có trong Hồ sơ đề xuất; nội dung không có tài liệu chứng minh thì không được tính khi xếp mức.

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
1. Chất lượng, kỹ thuật hàng hóa (tối đa 40 điểm)	40: 100% danh mục có thông số bằng hoặc tốt hơn yêu cầu; từng mặt hàng có catalogue/tài liệu kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng (CO/CQ/ISO/CE hoặc tương đương).	32: 100% danh mục đạt yêu cầu; tài liệu chứng minh của một số mặt hàng không chủ yếu phải làm rõ.	24: Đạt yêu cầu kỹ thuật tối thiểu sau khi qua điều kiện bắt buộc.
2. Cung ứng, giao nhận, bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật (tối đa 20 điểm)	20: Chứng minh nguồn cung bằng ủy quyền phân phối/hợp đồng nguyên tắc/xác nhận tồn kho hoặc tài liệu tương đương; cam kết lượng hóa bằng số về thời gian giao hàng, thời gian phản hồi sự cố, thời hạn đổi trả.	14: Có đầy đủ cam kết nhưng chưa lượng hóa thời hạn hoặc chưa chứng minh rõ nguồn cung.	8: Cam kết ở mức tối thiểu theo Thông báo.
3. Kinh nghiệm, năng lực nhà cung cấp (tối đa 10 điểm)	10: Từ 03 hợp đồng tương tự có nghiệm thu/thanh lý/hóa đơn, trong đó có ít nhất 01 hợp đồng với cơ sở y tế.	6: Có 01-02 hợp đồng tương tự có tài liệu chứng minh.	2: Chưa chứng minh được hợp đồng tương tự.
4. Giá (tối đa	Tính theo giá trung bình hợp lệ		

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
30 điểm)	tại Mục 7.4.		

7.3. Phương pháp chấm và tổng hợp điểm

Bệnh viện tổ chức đánh giá Hồ sơ đề xuất trên cơ sở điều kiện bắt buộc, tiêu chí chấm điểm, mức điểm và tài liệu do nhà cung cấp nộp theo Thông báo này. Nội dung không có tài liệu chứng minh trong Hồ sơ đề xuất thì không được tính điểm.

Kết quả đánh giá được tổng hợp thành bảng chấm điểm, có nhận xét đối với từng nhà cung cấp, làm căn cứ thương thảo và lập hồ sơ trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

7.4. Cách tính điểm giá theo giá trung bình hợp lệ

a) Điểm giá được tính theo công thức:

$$\text{Điểm giá} = (\text{Giá trung bình hợp lệ} / \text{Giá của nhà cung cấp đang xét}) \times 30$$

Điểm giá của nhà cung cấp không vượt quá 30 điểm. Nhà cung cấp có giá chào bằng hoặc thấp hơn giá trung bình hợp lệ được tính điểm tối đa của tiêu chí giá; việc xếp hạng giữa các nhà cung cấp này được quyết định bởi các tiêu chí chất lượng, kỹ thuật, năng lực, kinh nghiệm và hiệu quả tổng thể của Hồ sơ đề xuất.

b) Giá trung bình hợp lệ là trung bình cộng các báo giá hợp lệ của các nhà cung cấp đáp ứng điều kiện bắt buộc và được đưa vào chấm điểm.

c) Giá dùng để tính điểm là giá đã bao gồm thuế, phí, vận chuyên, giao hàng, bốc xếp, lắp đặt, chạy thử, đào tạo, bảo hành, bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật và toàn bộ chi phí liên quan đến việc cung cấp hàng hóa theo yêu cầu của Thông báo, Hồ sơ đề xuất và Dự thảo hợp đồng.

d) Trường hợp giá chào thấp bất thường hoặc có dấu hiệu không đủ để thực hiện gói mua sắm, Bệnh viện yêu cầu nhà cung cấp giải trình, làm rõ cơ sở hình thành giá và khả năng thực hiện theo giá đã chào. Nhà cung cấp không giải trình, giải trình không hợp lý hoặc không chứng minh được khả năng thực hiện theo giá đã chào thì Hồ sơ đề xuất không được xem xét lựa chọn và báo giá đó không được đưa vào tính giá trung bình hợp lệ.

đ) Trường hợp nhà cung cấp được xem xét lựa chọn có giá chào thấp hơn đáng kể so với giá trung bình hợp lệ nhưng giải trình hợp lý và chứng minh được khả năng thực hiện, Bệnh viện có thể áp dụng một hoặc một số biện pháp kiểm soát trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng: yêu cầu bảo đảm thực hiện hợp đồng phù hợp; không tạm ứng hoặc giảm tỷ lệ tạm ứng; thanh toán theo từng đợt giao hàng được nghiệm thu; quy định cụ thể chế tài vi phạm tiến độ, chất lượng và quyền chấm dứt hợp đồng theo quy định.

7.5. Ngưỡng lựa chọn và xếp hạng

Nhà cung cấp được đề xuất lựa chọn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện bắt

buộc và có tổng điểm từ 70/100 trở lên, xếp hạng theo tổng điểm từ cao xuống thấp. Trường hợp đồng điểm, ưu tiên theo thứ tự: điểm chất lượng, kỹ thuật hàng hóa cao hơn; điểm cung ứng, hỗ trợ kỹ thuật cao hơn; giá chào thấp hơn. Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp nộp Hồ sơ đề xuất, Bệnh viện vẫn xem xét lựa chọn nếu đáp ứng điều kiện bắt buộc, đạt ngưỡng điểm và giá hợp lý theo kết quả đánh giá, thẩm định.

8. Thời hạn và địa điểm nhận Hồ sơ đề xuất

8.1. Thời hạn nộp: **Trước 11 giờ 30 phút, ngày 25 tháng 6 năm 2026.**

8.2. Hình thức nộp: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính; hồ sơ đóng gói, dán kín, niêm phong.

8.3. Địa điểm nhận: Phòng Tổ chức - Hành chính (bộ phận văn thư), Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

8.4. Nhà cung cấp được nộp bổ sung, làm rõ hoặc thay thế Hồ sơ đề xuất trước thời hạn nộp tại khoản 8.1. Hồ sơ nộp sau thời hạn sẽ không được xem xét, trừ trường hợp Bệnh viện thông báo gia hạn; chi phí lập và nộp Hồ sơ đề xuất do nhà cung cấp tự chịu, Bệnh viện không hoàn trả hồ sơ.

8.5. Trong quá trình đánh giá, Bệnh viện có quyền yêu cầu nhà cung cấp làm rõ nội dung Hồ sơ đề xuất bằng văn bản. Việc làm rõ không được làm thay đổi bản chất hàng hóa chào cung cấp, giá chào và các nội dung cơ bản của Hồ sơ đề xuất đã nộp.

8.6. Trường hợp cần thiết, Bệnh viện sửa đổi, bổ sung nội dung Thông báo bằng văn bản và công khai theo cùng phương thức phát hành Thông báo này; thời hạn nộp được gia hạn tương ứng nếu việc sửa đổi ảnh hưởng đến việc chuẩn bị Hồ sơ đề xuất.

9. Trách nhiệm của nhà cung cấp

9.1. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, hợp pháp của toàn bộ thông tin, tài liệu trong Hồ sơ đề xuất; bảo đảm hàng hóa đúng như Hồ sơ đề xuất, báo giá, tài liệu kỹ thuật và hợp đồng ký kết.

9.2. Không thay đổi chủng loại, mã hàng, model, hãng sản xuất, nước sản xuất, thông số kỹ thuật khi chưa có văn bản chấp thuận của Bệnh viện.

9.3. Trường hợp phát hiện tài liệu không trung thực, hàng hóa không đúng cam kết hoặc nhà cung cấp không bảo đảm khả năng thực hiện, Bệnh viện có quyền từ chối lựa chọn, hủy kết quả lựa chọn, chấm dứt hợp đồng hoặc xử lý theo hợp đồng và quy định liên quan.

9.4. Nhà cung cấp cam kết không thông đồng, không thỏa thuận với nhà cung cấp khác nhằm nâng giá, ép giá hoặc làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

10. Trách nhiệm của Bệnh viện

10.1. Tổ chức tiếp nhận, đánh giá Hồ sơ đề xuất khách quan, minh bạch, căn cứ nhu cầu chuyên môn, tiêu chí đánh giá và hồ sơ do nhà cung cấp nộp.

10.2. Giám đốc Bệnh viện căn cứ kết quả đánh giá, kết quả thẩm định, nhu cầu sử dụng, tính hợp lý của giá và hiệu quả tổng thể để quyết định lựa chọn nhà cung cấp; có quyền không lựa chọn hoặc hủy việc mua sắm khi hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, giá không hợp lý hoặc việc mua sắm không còn phù hợp nhu cầu thực tế.

10.3. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp là căn cứ để hai bên thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng theo quy định.

Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang trân trọng thông báo và mời các nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia nộp Hồ sơ đề xuất theo nội dung nêu trên./.

Đính kèm:

- 1) Phụ lục danh mục hàng hóa và yêu cầu kỹ thuật cơ bản;*
- 2) Mẫu Văn bản nộp Hồ sơ đề xuất và báo giá;*
- 3) Dự thảo Hợp đồng.*

Nơi nhận:

- Phổ biến rộng rãi;
- Website Bệnh viện;
- Các khoa, phòng;
- Lưu: VT, PSTH.

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC HÀNG HÓA VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT CƠ BẢN

*(Kèm theo Thông báo số/TB-BVPSTG ngày/6/2026
của Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang)*

Các thông số kỹ thuật nêu dưới đây được hiểu theo hướng đáp ứng tương đương hoặc tốt hơn; nhà cung cấp phải cung cấp tài liệu kỹ thuật, catalogue hoặc tài liệu tương đương để chứng minh mức độ đáp ứng.

I. Danh mục hàng hóa

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Mô tả chung
1	Monitor theo dõi sản khoa	Cái	09	Thiết bị theo dõi sản khoa dùng để theo dõi nhịp tim thai, cơn gò tử cung và cử động thai; có màn hình màu cảm ứng, máy ghi, pin sạc, bộ nhớ tạm thời, kết nối mạng LAN và phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo.
2	Máy nghe tim thai Doppler	Cái	03	Thiết bị nghe tim thai cầm tay với màn hình LCD và loa ngoài, đầu dò tim thai tần số khoảng 2 MHz, hiển thị nhịp tim thai thời gian thực, có chức năng ghi nhớ/freeze thông số để ghi chép.

II. Yêu cầu kỹ thuật cơ bản

1. Monitor theo dõi sản khoa - số lượng: 09 cái

Thiết bị theo dõi sản khoa dùng để theo dõi nhịp tim thai, cơn gò tử cung và cử động thai; có màn hình màu cảm ứng, máy ghi, pin sạc, bộ nhớ tạm thời, kết nối mạng LAN và phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo.

a) Cấu hình cung cấp đáp ứng tương đương:

- Máy chính với màn hình màu cảm ứng: 01 máy.

- Phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ, gồm đầu dò Doppler và đầu dò UC hình chữ Y: 01 cái; dây đánh dấu cử động thai: 01 cái; dây ràng đầu dò: 02 cái; giấy ghi: 01 xấp; gel siêu âm: 01 ống; dây nguồn: 01 cái; giỏ đựng phụ kiện gắn trên máy: 01 cái.

- Tùy chọn mua thêm nếu Bệnh viện có yêu cầu: đầu dò Doppler để theo dõi song thai.

- Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ.

b) Yêu cầu kỹ thuật cơ bản đáp ứng tương đương:

- Máy monitor sản khoa theo dõi hai chức năng gồm nhịp tim thai và cơn gò tử cung; ngoài ra còn có thể theo dõi cử động thai.

- Đầu dò có độ nhạy tốt, các nhiễu do yếu tố bên ngoài được loại trừ xuống mức tối thiểu.

- Màn hình màu cảm ứng TFT khoảng 7 inch.

- Pin sạc sẵn trong máy giúp duy trì nguồn điện tạm thời khi mất điện hoặc vận chuyển sản phụ.

- Máy có bộ nhớ tạm thời khi máy bị hết giấy hoặc mất điện; dữ liệu trong bộ nhớ tạm

thời sẽ in tốc độ cao tại thời điểm phục hồi điện.

- Máy lưu dữ liệu lên đến 6 giờ; có cổng kết nối mạng LAN; có tính năng đánh dấu khi tiến hành các thủ thuật.

- Đo nhịp tim thai (FHR): tín hiệu đầu vào là hệ thống 2 kênh siêu âm Doppler; dải đo 50 - 240 nhịp/phút; báo động khi nhịp tim thai vượt quá giới hạn trên, dưới và thời gian trễ.

- Đo cử động thai: kỹ thuật phát hiện siêu âm Doppler, 2 kênh; cách thức ghi: ghi sóng nhọn.

- Đo cơn co tử cung: tín hiệu vào là đầu dò theo dõi cơn co tử cung; dải đo 0 - 100 Units.

- Âm thanh: âm thanh Doppler.

- Hiển thị: màn hình màu tinh thể lỏng TFT, cảm ứng; kích thước ≥ 7 inch; hiển thị điện tâm đồ, các thông số của thai nhi và mẹ, tình trạng thiết bị, cài đặt.

- Máy ghi: phương pháp ghi bằng máy ghi nhiệt.

- Độ rộng ghi: kênh nhịp tim có độ rộng 80 mm (50 - 210 bpm) hoặc 70 mm (30 - 240 bpm); kênh cơn co tử cung có độ rộng 40 mm.

- Thông tin được in: ngày/tháng/năm/giờ/phút, kiểu đo, đánh dấu sự kiện, nhịp tim thai, cường độ cơn co, cử động thai, chu kỳ co, cân chỉnh Zero, đánh dấu cử động thai tự động hoặc bằng tay, đánh dấu đo đặc sai của nhịp tim.

- Tốc độ ghi: 10 mm/phút, 20 mm/phút, 30 mm/phút (thay đổi được), 1500 mm/phút (in tốc độ nhanh).

- Nguồn điện: AC 100 - 240V, 50/60 Hz.

- Thời gian sử dụng pin: khoảng 30 phút khi sạc đầy.

- Kích thước tương đương khoảng 250 x 265 x 205 mm.

- Trọng lượng tương đương khoảng 4 kg, không kèm phụ kiện.

2. Máy nghe tim thai Doppler - số lượng: 03 cái

Thiết bị nghe tim thai cầm tay với màn hình LCD và loa ngoài, đầu dò tim thai tần số khoảng 2 MHz, hiển thị nhịp tim thai thời gian thực, có chức năng ghi nhớ/freeze thông số để ghi chép.

a) Cấu hình cung cấp đáp ứng tương đương:

- Máy chính: 01 chiếc.

- Đầu dò tim thai tần số 2 MHz: 01 chiếc.

- Gel siêu âm: 01 tuýp.

- Pin sạc: 01 chiếc.

b) Yêu cầu kỹ thuật cơ bản đáp ứng tương đương:

- Máy nghe tim thai cầm tay với màn hình LCD và loa ngoài được nâng cấp.

- Màn hình hiển thị nhịp tim thai thời gian thực (trung bình 4 nhịp), nhấp nháy khi đo nhịp tim không ổn định, hiển thị pin yếu.

- Có phím dừng (freeze) thông số nhịp tim để ghi chép.

- Nguồn điện: pin alkaline battery 9V, hoạt động khoảng 2,5 giờ.

- Nguồn siêu âm: ≤ 80 mW/cm².

- Phạm vi đo tim thai: từ 50 đến 240 nhịp/phút (+/- 5%).
- Tự động tắt sau 3 phút khi không có tín hiệu.
- Công suất loa ngoài: ≥ 650 mW.
- Đầu dò: tần số khoảng 2,25 MHz, đường kính 25 mm.
- Giắc cắm tai nghe 3,5 mm.
- Kích thước máy chính khoảng 78 x 141 x 27 mm, chưa gồm giá giữ đầu dò.
- Trọng lượng khoảng 260 gram, bao gồm pin và đầu dò.

Mẫu kèm theo Thông báo

PHỤ LỤC 02
VĂN BẢN NỘP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VÀ BÁO GIÁ
Gói mua sắm hàng hóa: Mua Monitor sản khoa và Doppler tim thai

Kính gửi: Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang.

Sau khi nghiên cứu kỹ Thông báo, yêu cầu kỹ thuật, tiêu chí đánh giá và Dự thảo hợp đồng, nhà cung cấp nộp Hồ sơ đề xuất và báo giá với nội dung sau:

I. THÔNG TIN NHÀ CUNG CẤP

Nội dung	Thông tin kê khai
Tên nhà cung cấp	
Địa chỉ trụ sở	
Mã số thuế	
Điện thoại/Email	
Người đại diện theo pháp luật/Chức vụ	
Tài khoản ngân hàng	

II. PHẦN THAM GIA

Gói mua sắm này không chia phần. Nhà cung cấp đăng ký nộp Hồ sơ đề xuất cho toàn bộ gói mua sắm và phải chào đầy đủ 02 mặt hàng trong danh mục dưới đây.

III. BÁO GIÁ HÀNG HÓA

Nhà cung cấp cam kết cung cấp hàng hóa mới 100%, đúng chủng loại, yêu cầu kỹ thuật, hồ sơ pháp lý, quy cách, xuất xứ và chất lượng như Hồ sơ đề xuất.

Stt	Tên hàng hóa	Tên thương mại/Mã hàng	Model/Quy cách	Hãng SX/Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Monitor theo dõi sản khoa				Cái	09			
2	Máy nghe tim thai Doppler				Cái	03			

Tổng giá trị báo giá: đồng.

Bảng chữ:

Giá đã bao gồm thuế GTGT, phí, lệ phí, vận chuyển, bốc xếp, giao hàng tại Bệnh viện, lắp đặt, chạy thử, đào tạo sử dụng, bảo hành, bảo trì, vật tư/phụ kiện kèm theo nếu có và toàn bộ chi phí liên quan để hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu, đưa vào sử dụng theo yêu cầu của Thông báo, Hồ sơ đề xuất và Dự thảo hợp đồng.

Thời hạn hiệu lực báo giá: tối thiểu ngày kể từ ngày hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất.

IV. HỒ SƠ, TÀI LIỆU KÈM THEO

Stt	Thành phần hồ sơ	Nội dung yêu cầu
1	Hồ sơ pháp lý của nhà cung cấp	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu pháp lý tương đương; tài liệu chứng minh ngành nghề phù hợp.
2	Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa	Catalogue, hướng dẫn sử dụng, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.
3	Hồ sơ pháp lý, chất lượng của hàng hóa	Sổ lưu hành/giấy phép nhập khẩu/hồ sơ công bố hoặc tài liệu pháp lý tương đương; CO, CQ hoặc tài liệu chất lượng nếu có/áp dụng.
4	Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm	Hợp đồng tương tự, nghiệm thu/thanh lý, hóa đơn, quyết định trúng thầu/phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp hoặc tài liệu tương đương.
5	Cam kết thực hiện	Cam kết tiến độ giao hàng; lắp đặt, chạy thử, đào tạo sử dụng; bảo hành, bảo trì; đổi trả hàng hóa lỗi/không đạt chất lượng.

V. CAM KẾT CHUNG

1. Toàn bộ hàng hóa chào cung cấp có nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ pháp lý, chất lượng và thông số kỹ thuật đúng như Hồ sơ đề xuất.

2. Không thay đổi chủng loại, mã hàng, model, hãng sản xuất, nước sản xuất, thông số kỹ thuật, phụ kiện kèm theo hoặc các nội dung cơ bản của hàng hóa khi chưa được Bệnh viện chấp thuận bằng văn bản.

3. Cung cấp đúng tiến độ, số lượng, chất lượng theo hợp đồng; thực hiện đầy đủ lắp đặt, chạy thử, đào tạo sử dụng, bảo hành, bảo trì, đổi trả hàng lỗi và hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình sử dụng.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bệnh viện về tính trung thực, chính xác, hợp pháp của toàn bộ tài liệu trong Hồ sơ đề xuất.

5. Không thông đồng, thỏa thuận với nhà cung cấp khác nhằm nâng giá, ép giá hoặc làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

....., ngày tháng năm 2026

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ CUNG CẤP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP
BỆNH VIỆN
PHỤ SẢN TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /HD-BVPSTG

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG
Mua sắm hàng hóa: Mua Monitor sản khoa và Doppler tim thai

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 81/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 210/QĐ-BVPSTG ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang ban hành Quy định Mua sắm theo hình thức tự quyết định việc mua sắm;

Căn cứ Quyết định số 422/QĐ-BVPSTG ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang về việc phê duyệt chủ trương mua sắm Monitor sản khoa và Doppler tim thai;

Căn cứ Thông báo số /TB-BVPSTG ngày tháng năm 2026 của Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang về việc mời nhà cung cấp nộp Hồ sơ đề xuất gói mua sắm: Mua Monitor sản khoa và Doppler tim thai;

Căn cứ Hồ sơ đề xuất và báo giá ngày tháng năm 2026 của [Tên nhà cung cấp];

Căn cứ Biên bản thương thảo, hoàn thiện nội dung cung cấp hàng hóa ngày tháng năm 2026 giữa Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang và [Tên nhà cung cấp];

Căn cứ Quyết định số /QĐ-BVPSTG ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm: Mua Monitor sản khoa và Doppler tim thai.

Dựa trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, trung thực, hợp tác và phù hợp với nhu cầu, khả năng thực tế của hai bên;

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, tại Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, chúng tôi gồm có:

Bên mua (Bên A): Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang

Địa chỉ: Số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện: Ông/Bà; Chức vụ: Giám đốc.

Điện thoại: 02733 887 160.

Mã số thuế: 1200530091.

Tài khoản số: tại Ngân hàng

Bên bán (Bên B): [TÊN NHÀ CUNG CẤP]

Địa chỉ:

Đại diện: Ông/Bà; Chức vụ:

Điện thoại:; Email:

Mã số thuế:

Tài khoản số: tại Ngân hàng

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng mua sắm hàng hóa với các điều khoản sau:

Điều 1. Đối tượng, phạm vi và tài liệu hợp đồng

1.1. Bên B đồng ý bán, cung cấp, bàn giao, lắp đặt, chạy thử, hướng dẫn sử dụng và bảo hành cho Bên A các thiết bị thuộc gói mua sắm “Mua Monitor sản khoa và Doppler tim thai”, gồm: Monitor theo dõi sản khoa: 09 cái; Máy nghe tim thai Doppler: 03 cái.

1.2. Gói mua sắm thực hiện theo một phần duy nhất. Bên B phải cung cấp đầy đủ các mặt hàng trong danh mục được hai bên thống nhất tại Phụ lục 01 của Hợp đồng này.

1.3. Điều kiện đặt thiết bị sử dụng tương thích kèm theo hàng hóa: Không áp dụng. Các thiết bị nêu tại Phụ lục 01 là hàng hóa Bên A mua sắm theo Hợp đồng này, không phải thiết bị đặt mượn, đặt nhờ hoặc đặt sử dụng tương thích.

1.4. Hồ sơ đề xuất, báo giá, tài liệu kỹ thuật, catalogue, Biên bản thương thảo, Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp và các phụ lục kèm theo là bộ phận không tách rời của Hợp đồng này.

1.5. Trường hợp có nội dung khác nhau giữa các tài liệu, thứ tự ưu tiên áp dụng là: Hợp đồng; các phụ lục Hợp đồng; Biên bản thương thảo; Hồ sơ đề xuất và báo giá của Bên B; Thông báo mời nhà cung cấp nộp Hồ sơ đề xuất.

Điều 2. Danh mục, chất lượng, yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ pháp lý của hàng hóa

2.1. Hàng hóa cung cấp phải mới 100%, chưa qua sử dụng, không tân trang, không sửa chữa, đúng tên hàng hóa, chủng loại, model/mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ, cấu hình, phụ kiện, số lượng và yêu cầu kỹ thuật đã được hai bên thống nhất trong Hợp đồng, Phụ lục 01 và Hồ sơ đề xuất của Bên B.

2.2. Hàng hóa phải có đầy đủ hồ sơ pháp lý theo quy định đối với thiết bị y tế, tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng, catalogue/tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng, phiếu bảo hành và các tài liệu khác theo yêu cầu của Bên A.

2.3. Monitor theo dõi sản khoa phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu: theo dõi nhịp tim thai, cơn co tử cung và cử động thai; có màn hình màu cảm ứng TFT khoảng hoặc từ 7 inch trở lên; có đầu dò Doppler, đầu dò cơn co tử cung, phụ kiện theo cấu hình; có pin sạc, bộ nhớ tạm thời, lưu dữ liệu, cổng kết nối mạng LAN, chức năng đánh dấu thủ thuật; đáp ứng các thông số kỹ thuật chi tiết tại Phụ lục 01.

2.4. Máy nghe tim thai Doppler phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu: thiết bị cầm tay có màn hình LCD, loa ngoài, đầu dò tim thai, nguồn pin, phạm vi đo tim thai, chức năng hiển thị,

phím dừng thông số và các thông số kỹ thuật chi tiết tại Phụ lục 01.

2.5. Bên A có quyền từ chối tiếp nhận, nghiệm thu hoặc yêu cầu Bên B thay thế, khắc phục nếu hàng hóa không đúng Hợp đồng, thiếu hồ sơ pháp lý, thiếu tài liệu kỹ thuật, không bảo đảm chất lượng, không vận hành ổn định hoặc không đáp ứng yêu cầu chuyên môn.

2.6. Bên B không được tự ý thay đổi chủng loại, model/mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ, cấu hình, thông số kỹ thuật hoặc phụ kiện kèm theo nếu chưa có văn bản chấp thuận của Bên A.

Điều 3. Giá trị hợp đồng, đơn giá và chi phí đã bao gồm

3.1. Tổng giá trị Hợp đồng: đồng

Bằng chữ:

3.2. Đơn giá, thành tiền của từng mặt hàng được xác định tại Phụ lục 01 và là căn cứ thanh toán đối với hàng hóa được giao, lắp đặt, chạy thử, nghiệm thu hợp lệ.

3.3. Giá trị Hợp đồng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển, bốc xếp, giao hàng tại Bệnh viện, lắp đặt, chạy thử, đào tạo/hướng dẫn sử dụng, tài liệu kỹ thuật, bảo hành, bảo trì trong thời gian bảo hành và tất cả các chi phí cần thiết khác để Bên B hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng.

3.4. Đơn giá cố định trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng, trừ trường hợp được Bên A chấp thuận bằng văn bản và phù hợp với hồ sơ mua sắm được phê duyệt.

3.5. Bên A không thanh toán bất kỳ khoản chi phí phát sinh nào ngoài Hợp đồng nếu không có văn bản chấp thuận trước của người có thẩm quyền của Bên A.

Điều 4. Thời hạn hợp đồng, tiến độ, địa điểm và phương thức giao hàng

4.1. Thời hạn thực hiện Hợp đồng: từ ngày Hợp đồng có hiệu lực đến khi hai bên hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ theo Hợp đồng, trừ các nghĩa vụ tiếp tục có hiệu lực sau khi thanh lý như bảo hành, bảo mật, bồi thường thiệt hại và xử lý vi phạm.

4.2. Thời gian giao hàng, lắp đặt, chạy thử và bàn giao: trong thời hạn ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực hoặc theo tiến độ được quy định tại Phụ lục 02.

4.3. Địa điểm giao hàng, lắp đặt, chạy thử: Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp; địa điểm cụ thể do Bên A chỉ định khi tiếp nhận hàng hóa.

4.4. Bên B chịu trách nhiệm vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, bảo hiểm rủi ro trong quá trình vận chuyển và mọi chi phí liên quan cho đến khi hàng hóa được Bên A kiểm tra, tiếp nhận và nghiệm thu hợp lệ.

4.5. Việc giao nhận phải được lập thành biên bản, có chữ ký của đại diện các bên và bộ phận tiếp nhận của Bên A. Việc ký biên bản giao nhận chưa làm mất quyền của Bên A trong việc từ chối nghiệm thu hoặc yêu cầu khắc phục nếu phát hiện hàng hóa không phù hợp trong quá trình kiểm tra, lắp đặt, chạy thử hoặc sử dụng.

Điều 5. Kiểm tra, nghiệm thu và điều kiện tiếp nhận

5.1. Bên A chỉ nghiệm thu hàng hóa khi hàng hóa đúng số lượng, chủng loại, cấu hình, phụ kiện, chất lượng, yêu cầu kỹ thuật, hồ sơ pháp lý, hồ sơ chất lượng, tài liệu kỹ thuật và điều kiện vận hành theo Hợp đồng.

5.2. Nội dung kiểm tra, nghiệm thu bao gồm: kiểm tra ngoại quan, số lượng, model/mã hiệu, số serial, phụ kiện, hồ sơ kèm theo, tình trạng hoạt động, kết quả lắp đặt, chạy thử, hướng dẫn sử dụng và khả năng đáp ứng yêu cầu chuyên môn.

5.3. Bên A có quyền yêu cầu Bên B cung cấp tài liệu làm rõ, bổ sung hồ sơ, chạy thử, hướng dẫn sử dụng lại hoặc thực hiện các biện pháp kiểm tra cần thiết trước khi nghiệm thu.

5.4. Trường hợp hàng hóa không đạt yêu cầu, Bên B phải thu hồi, thay thế, sửa chữa, khắc phục và giao lại hàng hóa đạt yêu cầu trong thời hạn do Bên A yêu cầu; mọi chi phí phát sinh do Bên B chịu.

5.5. Hồ sơ nghiệm thu tối thiểu gồm: Biên bản giao nhận, nghiệm thu hàng hóa; Biên bản nghiệm thu lắp đặt, chạy thử và bàn giao thiết bị; hóa đơn hợp lệ; phiếu xuất kho/phiếu giao hàng; hồ sơ pháp lý, hồ sơ chất lượng; tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng; phiếu bảo hành và các tài liệu khác theo yêu cầu của Bên A.

Điều 6. Lắp đặt, chạy thử, đào tạo sử dụng và bàn giao

6.1. Bên B có trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, kiểm tra tình trạng hoạt động, hướng dẫn sử dụng và bàn giao đầy đủ các thiết bị cho Bên A theo đúng yêu cầu kỹ thuật, hướng dẫn của nhà sản xuất và điều kiện thực tế tại Bệnh viện.

6.2. Đối với Monitor theo dõi sản khoa, Bên B phải thực hiện lắp đặt, kết nối, kiểm tra đầu dò, máy ghi, màn hình hiển thị, pin, bộ nhớ, cổng kết nối mạng LAN, chức năng báo động, chức năng đánh dấu thủ thuật và các chức năng liên quan trước khi bàn giao.

6.3. Đối với Máy nghe tim thai Doppler, Bên B phải kiểm tra thiết bị chính, đầu dò, pin, màn hình hiển thị, loa ngoài, phím chức năng, khả năng đo nhịp tim thai và các phụ kiện kèm theo trước khi bàn giao.

6.4. Bên B phải đào tạo/hướng dẫn trực tiếp cho nhân sự do Bên A chỉ định về vận hành, bảo quản, vệ sinh, xử lý lỗi thông thường, an toàn sử dụng và các khuyến cáo của nhà sản xuất; bàn giao tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt và/hoặc tiếng Anh theo Hồ sơ đề xuất.

6.5. Việc lắp đặt, chạy thử, đào tạo và bàn giao được lập thành Biên bản nghiệm thu lắp đặt, chạy thử và bàn giao thiết bị theo mẫu tại Phụ lục 04.

Điều 7. Bảo hành, bảo trì, thay thế và hỗ trợ kỹ thuật

7.1. Thời gian bảo hành: tháng kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao hợp lệ; trường hợp Hồ sơ đề xuất hoặc chính sách của nhà sản xuất có thời gian bảo hành dài hơn thì áp dụng thời gian dài hơn.

7.2. Trong thời gian bảo hành, nếu hàng hóa phát sinh lỗi kỹ thuật, lỗi do nhà sản xuất hoặc lỗi không do Bên A sử dụng sai hướng dẫn, Bên B phải kiểm tra, sửa chữa, thay thế linh kiện hoặc đổi mới miễn phí để bảo đảm thiết bị hoạt động bình thường.

7.3. Thời gian phản hồi khi Bên A thông báo sự cố: không quá giờ; thời gian có mặt xử lý tại Bệnh viện: không quá giờ/ngày làm việc; thời gian khắc phục hoàn tất: không quá ngày làm việc, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

7.4. Bên B phải duy trì đầu mối kỹ thuật có đủ năng lực để hỗ trợ Bên A trong suốt thời gian bảo hành; trường hợp thay đổi đầu mối phải thông báo bằng văn bản cho Bên A.

7.5. Trường hợp thiết bị hư hỏng kéo dài, lặp lại nhiều lần hoặc ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn, Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay thế thiết bị, linh kiện hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm hoạt động chuyên môn phù hợp; mọi chi phí do Bên B chịu nếu lỗi thuộc trách nhiệm của Bên B.

Điều 8. Thanh toán và hồ sơ thanh toán

8.1. Bên A thanh toán cho Bên B theo giá trị hàng hóa thực tế đã giao, lắp đặt, chạy thử, nghiệm thu hợp lệ và có đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy định.

8.2. Phương thức thanh toán: chuyển khoản vào tài khoản hợp pháp của Bên B ghi tại Hợp đồng này.

8.3. Thời hạn thanh toán: trong vòng ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ, phù hợp với tiến độ thực hiện Hợp đồng và khả năng cân đối tài chính của Bên A.

8.4. Hồ sơ thanh toán gồm: hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ; Biên bản giao nhận, nghiệm thu hàng hóa; Biên bản nghiệm thu lắp đặt, chạy thử và bàn giao thiết bị; phiếu xuất kho/phiếu giao hàng; hồ sơ pháp lý, hồ sơ chất lượng, tài liệu kỹ thuật, phiếu bảo hành và các tài liệu khác theo yêu cầu của Bên A.

8.5. Bên A không thanh toán đối với hàng hóa không đúng Hợp đồng, chưa được nghiệm thu, thiếu hồ sơ hợp lệ, đang có tranh chấp hoặc bị Bên A từ chối tiếp nhận/nghiệm thu.

8.6. Bên A được quyền khấu trừ, tạm giữ hoặc cản trở các khoản phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, chi phí khắc phục và nghĩa vụ tài chính khác của Bên B trước khi thanh toán nếu có căn cứ theo Hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và kiểm soát rủi ro

9.1. Tùy kết quả thương thảo và yêu cầu quản lý rủi ro, Bên B phải thực hiện một hoặc một số biện pháp bảo đảm: bảo đảm thực hiện hợp đồng; giữ lại một phần giá trị thanh toán; bảo lãnh bảo hành; thanh toán theo kết quả nghiệm thu; hoặc biện pháp khác được hai bên thống nhất.

9.2. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu áp dụng):% giá trị Hợp đồng; hình thức: bảo lãnh ngân hàng/chuyển khoản ký quỹ/giữ lại giá trị thanh toán/hình thức hợp pháp khác.

9.3. Giá trị bảo lãnh bảo hành hoặc tỷ lệ giữ lại bảo hành (nếu áp dụng):% giá trị Hợp đồng; thời hạn và điều kiện hoàn trả thực hiện theo thỏa thuận của hai bên.

9.4. Trường hợp Bên B vi phạm nghĩa vụ cung cấp, lắp đặt, nghiệm thu, bảo hành hoặc hỗ trợ kỹ thuật, Bên A có quyền áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro, bao gồm tạm dừng thanh toán, giữ lại giá trị thanh toán, yêu cầu thay thế, chấm dứt Hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- Yêu cầu Bên B cung cấp hàng hóa đúng số lượng, chất lượng, cấu hình, phụ kiện, tiến độ, địa điểm và các điều kiện đã cam kết trong Hợp đồng.

- Kiểm tra, giám sát, yêu cầu làm rõ hồ sơ, từ chối tiếp nhận hoặc từ chối nghiệm thu hàng hóa không phù hợp.

- Tổ chức tiếp nhận, kiểm tra, nghiệm thu, lắp đặt, chạy thử và bàn giao theo đúng quy định nội bộ của Bệnh viện.

- Thanh toán cho Bên B đối với hàng hóa đã được nghiệm thu hợp lệ và có đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

- Yêu cầu Bên B bảo hành, sửa chữa, thay thế, hỗ trợ kỹ thuật, bồi thường thiệt hại và chịu phạt vi phạm nếu Bên B vi phạm Hợp đồng.

- Phối hợp, tạo điều kiện hợp lý về địa điểm lắp đặt, người tiếp nhận, người sử dụng và các điều kiện cần thiết khác để Bên B thực hiện Hợp đồng.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Cung cấp hàng hóa đúng Hợp đồng, Phụ lục, Hồ sơ đề xuất, báo giá và các cam kết đã được hai bên thống nhất.

- Chịu trách nhiệm toàn diện về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng, tính hợp pháp, tính chính xác của tài liệu kỹ thuật, hồ sơ pháp lý và hồ sơ chất lượng của hàng hóa.

- Giao hàng, lắp đặt, chạy thử, đào tạo/hướng dẫn sử dụng, bàn giao, bảo hành, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật đúng tiến độ, đúng yêu cầu.

- Không tự ý thay đổi chủng loại, model, xuất xứ, cấu hình, phụ kiện, thông số kỹ thuật hoặc điều kiện cung cấp khi chưa được Bên A chấp thuận bằng văn bản.

- Tuân thủ nội quy Bệnh viện, quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, kiểm soát nhiễm khuẩn, bảo mật thông tin và các quy định liên quan khi làm việc tại Bên A.

- Chịu mọi chi phí phát sinh do lỗi của Bên B, bao gồm chi phí thu hồi, thay thế, sửa chữa, giao lại hàng hóa, khắc phục sự cố, bồi thường thiệt hại và các chi phí hợp lý khác.

- Cung cấp hóa đơn, chứng từ và hồ sơ thanh toán hợp lệ, phối hợp với Bên A trong việc nghiệm thu, thanh toán, thanh lý và giải trình hồ sơ khi có yêu cầu.

Điều 12. Liêm chính, xung đột lợi ích và bảo mật thông tin

12.1. Hai bên cam kết không thực hiện hành vi thông đồng, móc nối, đưa, nhận, môi giới lợi ích vật chất hoặc phi vật chất trái quy định; không làm sai lệch hồ sơ, giá, chất lượng, xuất xứ, năng lực cung cấp hoặc kết quả thực hiện Hợp đồng.

12.2. Bên B cam kết không có xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan, minh bạch của việc cung cấp hàng hóa; nếu phát sinh tình huống có thể tạo xung đột lợi ích, Bên B phải thông báo ngay cho Bên A bằng văn bản.

12.3. Bên B có trách nhiệm bảo mật thông tin về hoạt động chuyên môn, dữ liệu người bệnh, thông tin tài chính, hồ sơ mua sắm, hình ảnh, tài liệu nội bộ và các thông tin khác của Bên A mà Bên B biết được trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

12.4. Bên B không được sử dụng tên, biểu tượng, hình ảnh, thông tin, dữ liệu hoặc kết quả thực hiện tại Bệnh viện để quảng cáo, truyền thông, thương mại hoặc mục đích khác nếu chưa được Bên A chấp thuận bằng văn bản.

Điều 13. Vi phạm hợp đồng, phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

13.1. Các hành vi vi phạm gồm: giao hàng chậm; giao thiếu; giao sai chủng loại, cấu hình, chất lượng, xuất xứ; thiếu hồ sơ hợp lệ; không lắp đặt, chạy thử, đào tạo, bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật đúng cam kết; hoặc các vi phạm khác theo Hợp đồng.

13.2. Trường hợp Bên B giao hàng chậm, Bên B bị phạt vi phạm với mức% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm cho mỗi ngày chậm, nhưng tổng mức phạt không vượt quá mức pháp luật cho phép; đồng thời phải bồi thường thiệt hại phát sinh nếu có.

13.3. Trường hợp hàng hóa không đúng Hợp đồng hoặc không đạt nghiệm thu, Bên A có quyền từ chối nhận hàng, yêu cầu Bên B thu hồi, thay thế, sửa chữa, khắc phục; mọi chi phí do Bên B chịu. Nếu Bên B không khắc phục trong thời hạn yêu cầu, Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

13.4. Trường hợp phát hiện hồ sơ, tài liệu, chứng từ của Bên B không trung thực, giả mạo, không hợp pháp hoặc che giấu thông tin quan trọng, Bên A có quyền hủy kết quả lựa chọn nhà cung cấp, chấm dứt Hợp đồng, không thanh toán phần chưa nghiệm thu, yêu cầu hoàn trả các khoản đã nhận không phù hợp và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

13.5. Việc áp dụng phạt vi phạm không làm mất quyền của bên bị vi phạm trong việc yêu cầu bồi thường thiệt hại, từ chối thanh toán, khấu trừ nghĩa vụ, tạm dừng hoặc chấm dứt Hợp đồng theo quy định.

Điều 14. Tạm dừng, chấm dứt hợp đồng và xử lý sau chấm dứt

14.1. Bên A có quyền tạm dừng việc tiếp nhận, nghiệm thu, thanh toán hoặc thực hiện Hợp đồng nếu phát hiện hàng hóa, hồ sơ, tiến độ, chất lượng, lắp đặt, bảo hành hoặc hỗ trợ kỹ thuật có dấu hiệu không phù hợp, ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn, an toàn người bệnh hoặc quyền lợi của Bên A.

14.2. Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp: hai bên hoàn thành nghĩa vụ; hai bên thỏa thuận chấm dứt; một bên vi phạm nghiêm trọng và không khắc phục trong thời hạn hợp lý; Bên B không còn khả năng cung cấp, bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật; hoặc các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Hợp đồng.

14.3. Nếu Hợp đồng chấm dứt do lỗi của Bên B, Bên A có quyền lựa chọn nhà cung cấp khác để bảo đảm hoạt động chuyên môn; Bên B phải chịu phần chi phí chênh lệch, chi phí phát sinh và thiệt hại thực tế nếu có.

14.4. Sau khi chấm dứt Hợp đồng, các bên phải phối hợp đối chiếu công nợ, xử lý hồ sơ, thanh toán phần đã nghiệm thu hợp lệ, bàn giao tài liệu và thực hiện các nghĩa vụ còn hiệu lực như bảo hành, bảo mật, bồi thường thiệt hại và xử lý vi phạm.

Điều 15. Sự kiện bất khả kháng

15.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra khách quan, không thể lường trước và không thể khắc phục được mặc dù bên bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

15.2. Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản cho bên còn lại trong thời gian sớm nhất, cung cấp tài liệu chứng minh và áp dụng các biện pháp hợp lý để hạn chế thiệt hại.

15.3. Hai bên phối hợp xử lý để bảo đảm hoạt động chuyên môn của Bên A, an toàn người bệnh và quyền lợi hợp pháp của các bên. Sự kiện bất khả kháng không miễn trừ nghĩa

vụ thanh toán đối với hàng hóa đã được nghiệm thu hợp lệ, trừ khi hai bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

Điều 16. Giải quyết tranh chấp

16.1. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau.

16.2. Trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp được đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại tỉnh Đồng Tháp để giải quyết theo quy định pháp luật.

16.3. Trong thời gian giải quyết tranh chấp, các bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ không bị tranh chấp, trừ trường hợp việc tiếp tục thực hiện có nguy cơ gây thiệt hại, ảnh hưởng đến an toàn người bệnh, hoạt động chuyên môn hoặc hai bên có thỏa thuận khác.

Điều 17. Hiệu lực hợp đồng, sửa đổi bổ sung và điều khoản chung

17.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết và đóng dấu theo quy định, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận ngày hiệu lực khác bằng văn bản.

17.2. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng phải được lập thành văn bản, có chữ ký, đóng dấu hợp pháp của hai bên và phù hợp với hồ sơ mua sắm, kết quả lựa chọn nhà cung cấp đã được phê duyệt.

17.3. Trường hợp một điều khoản của Hợp đồng vô hiệu hoặc không thể thực hiện, các điều khoản còn lại vẫn có hiệu lực; hai bên phối hợp thay thế điều khoản đó bằng điều khoản hợp pháp, phù hợp mục đích giao kết ban đầu.

17.4. Hợp đồng được lập thành 05 (năm) bản có giá trị pháp lý như nhau; Bên A giữ 03 (ba) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.

17.5. Các phụ lục, biên bản giao nhận, biên bản nghiệm thu, biên bản thương thảo, thông báo, văn bản yêu cầu khắc phục và các tài liệu hợp lệ khác do hai bên ký hoặc xác nhận trong quá trình thực hiện là căn cứ thực hiện và giải trình Hợp đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 01**DANH MỤC HÀNG HÓA, SỐ LƯỢNG VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT***(Kèm theo Hợp đồng số /HD-BVPSTG ngày tháng năm 2026)*

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
01	Monitor theo dõi sản khoa	Cái	09	Cung cấp đủ cấu hình, phụ kiện và tài liệu hướng dẫn theo yêu cầu kỹ thuật.
02	Máy nghe tim thai Doppler	Cái	03	Cung cấp đủ cấu hình, phụ kiện và tài liệu hướng dẫn theo yêu cầu kỹ thuật.

II. Yêu cầu kỹ thuật cơ bản**1. Monitor theo dõi sản khoa - số lượng: 09 cái**

Thiết bị theo dõi sản khoa dùng để theo dõi nhịp tim thai, cơn gò tử cung và cử động thai; có màn hình màu cảm ứng, máy ghi, pin sạc, bộ nhớ tạm thời, kết nối mạng LAN và phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo.

a) Cấu hình cung cấp đáp ứng tương đương:

- Máy chính với màn hình màu cảm ứng: 01 máy.
- Phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ, gồm đầu dò Doppler và đầu dò UC hình chữ Y: 01 cái; dây đánh dấu cử động thai: 01 cái; dây ràng đầu dò: 02 cái; giấy ghi: 01 xấp; gel siêu âm: 01 ống; dây nguồn: 01 cái; giỏ đựng phụ kiện gắn trên máy: 01 cái.
- Tùy chọn mua thêm nếu Bệnh viện có yêu cầu: đầu dò Doppler để theo dõi song thai.
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ.

b) Yêu cầu kỹ thuật cơ bản đáp ứng tương đương:

- Máy monitor sản khoa theo dõi hai chức năng gồm nhịp tim thai và cơn gò tử cung; ngoài ra còn có thể theo dõi cử động thai.
- Đầu dò có độ nhạy tốt, các nhiễu do yếu tố bên ngoài được loại trừ xuống mức tối thiểu.
- Màn hình màu cảm ứng TFT khoảng 7 inch.
- Pin sạc sẵn trong máy giúp duy trì nguồn điện tạm thời khi mất điện hoặc vận chuyển sản phụ.
- Máy có bộ nhớ tạm thời khi máy bị hết giấy hoặc mất điện; dữ liệu trong bộ nhớ tạm thời sẽ in tốc độ cao tại thời điểm phục hồi điện.
- Máy lưu dữ liệu lên đến 6 giờ; có cổng kết nối mạng LAN; có tính năng đánh dấu khi tiến hành các thủ thuật.
- Đo nhịp tim thai (FHR): tín hiệu đầu vào là hệ thống 2 kênh siêu âm Doppler; dải đo 50 - 240 nhịp/phút; báo động khi nhịp tim thai vượt quá giới hạn trên, dưới và thời gian trễ.
- Đo cử động thai: kỹ thuật phát hiện siêu âm Doppler, 2 kênh; cách thức ghi: ghi sóng nhọn.
- Đo cơn co tử cung: tín hiệu vào là đầu dò theo dõi cơn co tử cung; dải đo 0 - 100 Units.
- Âm thanh: âm thanh Doppler.
- Hiển thị: màn hình màu tinh thể lỏng TFT, cảm ứng; kích thước ≥ 7 inch; hiển thị

điện tâm đồ, các thông số của thai nhi và mẹ, tình trạng thiết bị, cài đặt.

- Máy ghi: phương pháp ghi bằng máy ghi nhiệt.
- Độ rộng ghi: kênh nhịp tim có độ rộng 80 mm (50 - 210 bpm) hoặc 70 mm (30 - 240 bpm); kênh cơn co tử cung có độ rộng 40 mm.
- Thông tin được in: ngày/tháng/năm/giờ/phút, kiểu đo, đánh dấu sự kiện, nhịp tim thai, cường độ cơn co, cử động thai, chu kỳ co, cân chỉnh Zero, đánh dấu cử động thai tự động hoặc bằng tay, đánh dấu đo đặc sai của nhịp tim.
- Tốc độ ghi: 10 mm/phút, 20 mm/phút, 30 mm/phút (thay đổi được), 1500 mm/phút (in tốc độ nhanh).
- Nguồn điện: AC 100 - 240V, 50/60 Hz.
- Thời gian sử dụng pin: khoảng 30 phút khi sạc đầy.
- Kích thước tương đương khoảng 250 x 265 x 205 mm.
- Trọng lượng tương đương khoảng 4 kg, không kèm phụ kiện.

2. Máy nghe tim thai Doppler - số lượng: 03 cái

Thiết bị nghe tim thai cầm tay với màn hình LCD và loa ngoài, đầu dò tim thai tần số khoảng 2 MHz, hiển thị nhịp tim thai thời gian thực, có chức năng ghi nhớ/freeze thông số để ghi chép.

a) Cấu hình cung cấp đáp ứng tương đương:

- Máy chính: 01 chiếc.
- Đầu dò tim thai tần số 2 MHz: 01 chiếc.
- Gel siêu âm: 01 tuýp.
- Pin sạc: 01 chiếc.

b) Yêu cầu kỹ thuật cơ bản đáp ứng tương đương:

- Máy nghe tim thai cầm tay với màn hình LCD và loa ngoài được nâng cấp.
- Màn hình hiển thị nhịp tim thai thời gian thực (trung bình 4 nhịp), nhấp nháy khi đo nhịp tim không ổn định, hiển thị pin yếu.
- Có phím dừng (freeze) thông số nhịp tim để ghi chép.
- Nguồn điện: pin alkaline battery 9V, hoạt động khoảng 2,5 giờ.
- Nguồn siêu âm: ≤ 80 mW/cm².
- Phạm vi đo tim thai: từ 50 đến 240 nhịp/phút (+/- 5%).
- Tự động tắt sau 3 phút khi không có tín hiệu.
- Công suất loa ngoài: ≥ 650 mW.
- Đầu dò: tần số khoảng 2,25 MHz, đường kính 25 mm.
- Giác cảm tai nghe 3,5 mm.
- Kích thước máy chính khoảng 78 x 141 x 27 mm, chưa gồm giá giữ đầu dò.
- Trọng lượng khoảng 260 gram, bao gồm pin và đầu dò.

Ghi chú: Model/mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ, năm sản xuất, thông số chi tiết, đơn giá và thành tiền được hoàn thiện theo Hồ sơ đề xuất, kết quả thương thảo và Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp; không được thấp hơn yêu cầu tối thiểu nêu tại Phụ lục này.

PHỤ LỤC 02
TIẾN ĐỘ GIAO HÀNG, LẮP ĐẶT, CHẠY THỬ VÀ ĐÀO TẠO SỬ DỤNG
(Kèm theo Hợp đồng số /HĐ-BVPSTG ngày tháng năm 2026)

Stt	Nội dung	Thời hạn thực hiện	Khối lượng	Địa điểm	Đầu mối phối hợp	Hồ sơ kèm theo
01	Giao hàng	Trong vòng ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	Theo Phụ lục 01	Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang hoặc địa điểm do Bên A chỉ định	Đơn vị tiếp nhận do Bên A phân công	Phiếu giao hàng, hóa đơn/chứng từ, hồ sơ pháp lý, hồ sơ chất lượng, catalogue, tài liệu kỹ thuật
02	Lắp đặt, chạy thử	Ngay sau khi giao hàng hoặc theo lịch Bên A xác nhận	Toàn bộ thiết bị	Vị trí sử dụng thực tế tại Bệnh viện	Bộ phận sử dụng, bộ phận kỹ thuật và đại diện Bên B	Biên bản nghiệm thu lắp đặt, chạy thử và bàn giao thiết bị
03	Đào tạo, hướng dẫn sử dụng	Trước khi nghiệm thu hoặc trong thời hạn do Bên A yêu cầu	Nhân sự sử dụng thiết bị do Bên A chỉ định	Tại Bệnh viện	Bên A và Bên B	Tài liệu hướng dẫn sử dụng, danh sách người được hướng dẫn/biên bản hướng dẫn nếu có

PHỤ LỤC 03

BIÊN BẢN GIAO NHẬN, KIỂM TRA VÀ NGHIỆM THU HÀNG HÓA

(Mẫu sử dụng khi giao nhận, nghiệm thu hàng hóa)

Căn cứ Hợp đồng số /HĐ-BVPSTG ngày tháng năm 2026 giữa Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang và [Tên nhà cung cấp];

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, tại Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, chúng tôi gồm có:

I. Thành phần

1. Đại diện Bên A:

2. Đại diện Bên B:

II. Nội dung kiểm tra, giao nhận

Stt	Tên hàng hóa	Model/Mã hiệu	Số serial	ĐVT	SL HD	SL giao	Tình trạng/Hồ sơ kèm theo
01	Monitor theo dõi sản khoa			Cái	09		
02	Máy nghe tim thai Doppler			Cái	03		

III. Kết luận

- Đạt yêu cầu, đồng ý tiếp nhận và chuyển sang bước lắp đặt, chạy thử/nghiệm thu bàn giao.
- Chưa đạt yêu cầu. Nội dung cần khắc phục/bổ sung:

Biên bản được lập thành 03 bản có giá trị như nhau; Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG/TIẾP NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 04

BIÊN BẢN NGHIỆM THU LẮP ĐẶT, CHẠY THỬ VÀ BÀN GIAO THIẾT BỊ (Mẫu sử dụng sau khi lắp đặt, chạy thử và hướng dẫn sử dụng)

Căn cứ Hợp đồng số /HĐ-BVPSTG ngày tháng năm 2026 giữa Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang và [Tên nhà cung cấp];

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, tại Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, chúng tôi gồm có:

I. Thành phần nghiệm thu

1. Đại diện Bên A:

2. Đại diện Bên B:

II. Kết quả lắp đặt, chạy thử và bàn giao

Stt	Tên thiết bị	Model/Mã hiệu	Số serial	Số lượng	Kết quả chạy thử	Tài liệu/Phụ kiện bàn giao
01	Monitor theo dõi sản khoa			09		
02	Máy nghe tim thai Doppler			03		

III. Nội dung đã thực hiện

- Đã lắp đặt, kiểm tra ngoại quan, kiểm tra phụ kiện và kết nối theo yêu cầu.
- Đã chạy thử các chức năng chính của thiết bị; kết quả hoạt động ổn định/không ổn định:
- Đã hướng dẫn sử dụng, bảo quản, vệ sinh, xử lý lỗi thông thường cho nhân sự của Bên A.
- Đã bàn giao tài liệu hướng dẫn sử dụng, phiếu bảo hành, catalogue/tài liệu kỹ thuật và hồ sơ liên quan.

IV. Kết luận nghiệm thu

- Đạt yêu cầu, đồng ý nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.
- Chưa đạt yêu cầu. Nội dung cần khắc phục/bổ sung:

Biên bản được lập thành 03 bản có giá trị như nhau; Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG/TIẾP NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, ghi rõ họ tên)